

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **141/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-4-2024

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

2. Ông Nguyễn Thành Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2167/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Ngọc T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ 9, Ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Phạm Châu N, sinh năm 1961.

Địa chỉ: X 16 00410 Helsinki Finland.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đinh Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Châu N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí ngày 17/11/2027, giấy chứng nhận kết hôn số 78.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Về sau phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, lối sống. Hiện nay, ông Phạm Châu N đang sinh sống và làm việc tại Phần Lan, bà thì vẫn ở Việt Nam. Do nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung kéo dài lại không có điều kiện gặp nhau để hàn gắn tình cảm nên tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không giải quyết được, khả năng đoàn tụ lại không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị được ly hôn với ông Phạm Châu N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Vì bận công việc, bà yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Bị đơn ông Pham Chau N trình bày:

Tại Bản tự khai đã được chứng thực tại Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hòa Phần Lan, bị đơn ông Pham Chau N xác nhận lời trình bày của bà Đinh Ngọc T về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung là đúng. Nay bà T xin ly hôn, ông đồng ý được ly hôn với bà T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Do điều kiện đi lại gặp nhiều khó khăn, bà yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Đinh Ngọc T và ông Pham Chau N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn số 78 ngày 17/11/2027 nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Đinh Ngọc T và ông Pham Chau N là hợp pháp.

Nguyên đơn cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh; Bị đơn đang cư trú ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét bản tự khai của ông Pham Chau N chứng thực tại Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hòa Phần Lan nên được xem là chứng cứ hợp pháp của vụ án theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được quy định tại Khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của bà Đinh Ngọc T được ly hôn ông Pham Chau N. Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của bà T và ông Pham Chau N thì thực tế sau khi kết hôn hai bên phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được. Từ khi

kết hôn cho đến nay, thời gian đầu hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay, ông Phạm Châu N đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài do xa cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, lại phát sinh mâu thuẫn, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Đinh Ngọc T yêu cầu được ly hôn ông Phạm Châu N là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung: Bà Đinh Ngọc T và ông Phạm Châu N khai không có. Tòa không xét.

Nợ chung: Bà Đinh Ngọc T và ông Phạm Châu N khai không có. Tòa không xét.

[4] Án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Đinh Ngọc T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Đinh Ngọc T và ông Phạm Châu N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 37; Điều 147; Điều 273; Điều 280; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Ngọc T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Ngọc T được ly hôn ông Phạm Châu N.

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xét.

1.4. Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Đinh Ngọc T chịu, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0031980 ngày 29/02/2024 của

Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đinh Ngọc T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà Đinh Ngọc T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày , kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. ông Phạm Chau N được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.(Linh/16b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thủy Tiên

